## “Quản lý giỏ hàng”

1. **Brief Description**

UseCase mô tả quá trình khách hàng thực hiện những thao tác để quản lý giỏ hàng của mình.

1. **Actors**

Khách hàng

1. **Preconditions**

Không

1. **Basic Flow of Events (Success – Chọn sản phẩm mua)**
2. Khách hàng truy cập vào hệ thống.
3. Hệ thống hiển thị danh sách và thông tin sản phẩm.
4. Khách hàng chọn sản phẩm muốn mua, chọn số lượng sản phẩm cần mua.
5. Khách hàng click vào nút “Thêm vào giỏ hàng”.
6. Hệ thống hiển thị thông báo đã thêm sản phẩm thành công.
7. Khách hàng click vào giỏ hàng.
8. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm có trong giỏ hàng.
9. Khách hàng lựa chọn sản phẩm muốn thanh toán.
10. Hệ thống hiển thị số tiền tổng sản phẩm đang chọn.
11. **Alternative flows**

Table N-Alternative flows of events for UC Place order

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Location** | **Condition** | **Action** | **Resume location** |
|  | 4 | Số lượng thêm vào giỏ hàng vượt quá số lượng trong kho | * Hệ thống báo lỗi: Số lượng mặt hàng trong kho không đủ | Tiếp tục lại bước 3 |
|  | 8 | Số lượng mua đang nhiều hơn số lượng trong kho | * Hệ thống báo lỗi: Số lượng hàng hiện đang không đủ | Tiếp tục lại bước 8 |
|  | 8 | Khách hàng chọn Loại bỏ sản phẩm ra khỏi giỏ hàng. | * Hệ thống loại sản phẩm ra khỏi giỏ hàng, nếu sản phẩm đang được chọn sẽ trừ số tiền của sản phẩm đó | Tiếp tục lại bước 8 |

1. **Input data**

Table A-Input data of …

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Data fields** | **Description** | **Mandatory** | **Valid condition** | **Example** |
|  |  |  |  |  |  |

1. **Output data**

Table B-Output data of …

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Data fields** | **Description** | **Display format** | **Example** |
|  |  |  |  |  |

1. **Postconditions**

Không

A diagram of a diagram

Description automatically generated

*Biểu đồ hoạt động UseCase “Quản lý giỏ hàng”*